

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 651/2024/HS-PT

Ngày: 16/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1300/2023/TLPT-HS ngày 09/11/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Trung K và Trần Quốc C do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Trung K, sinh năm 1981; đăng ký thường trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện tại: Số nhà A, phố T, phường T, quận T, Hà Nội; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Chu Thị O; vợ là Hán Thị Thanh H (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 11/01/2022; tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. Có mặt.

2. Trần Quốc C, sinh năm 1995; đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện tại: P818, chung cư H, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang G (đã chết) và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 11/01/2022; tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Luật sư Đinh Thị Kim T – Công ty L4,

Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

* *Bị hại có kháng cáo:* Anh Đặng Phương N1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường A, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Số F L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Phương N1:* Luật sư Trần Thị H1 - Văn phòng Luật sư Trần Thị H1, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập: Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2, Trần Thùy A, Ngô Thị Ngọc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Lê Thị Phi N2 (sinh năm 1971) và Lê Thị Liên H2 (sinh năm 1972) cùng làm dịch vụ môi giới cho khách hàng mở tài khoản ngân hàng nên quen biết với Ngô Thị Ngọc L1 (sinh năm 1994) là nhân viên tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1). N2 chuyên cung cấp hồ sơ khách hàng vay tín dụng nhờ L1 làm thủ tục cho vay và giải ngân. Quá trình làm dịch vụ môi giới mở tài khoản, N2 và H2 thấy việc quản lý tài khoản ngân hàng bằng dịch vụ Internet, sử dụng mạng công nghệ, điện thoại di động còn nhiều sơ hở, nếu lấy được số điện thoại đăng ký tài khoản rồi liên hệ với ngân hàng để giành quyền truy cập rất dễ dàng. N2 và H2 tìm cách lấy sim điện thoại trùng với sim điện thoại đăng ký mở tài khoản, sau đó dùng sim điện thoại đó để sử dụng Internet banking chuyển tiền từ tài khoản có tiền sang tài khoản khác để chiếm đoạt tiền. N2 và H2 biết trong hệ thống ngân hàng có nhiều tài khoản không chính chủ được sử dụng để thanh toán tiền trong hoạt động phi pháp. Vì vậy, tháng 3/2021, N2 và H2 bàn bạc, thống nhất rủ L1 cùng tham gia chiếm đoạt tiền trong tài khoản của các khách hàng trên bằng hình thức Nga và H2 sẽ thuê Trần Thùy A (sinh năm 1993) và Trần Quốc C sử dụng Chứng minh thư nhân dân của người khác để mở tài khoản tại nhiều Ngân hàng khác nhau rồi giao cho N2 quản lý. N2 sẽ chụp ảnh của C và Thùy A hoặc C và Thùy A sẽ gửi ảnh của mình qua ứng dụng Telegram hoặc qua Zalo cho N2, để N2 lên mạng xã hội thuê đối tượng (Không rõ nhân thân, lai lịch) và gửi ảnh của Thùy A, C để làm giả Chứng minh thư nhân dân dán ảnh của Thùy A và C. Sau khi làm xong, các đối tượng trên mạng xã hội gửi lại Chứng minh thư nhân dân giả cho N2 qua đường bưu điện. N2 sẽ đưa cho Thùy A và C để mở tài khoản tại các ngân hàng rồi giao lại để N2 quản lý. H2 có trách nhiệm tìm các số tài khoản nghi ngờ hoạt động phi pháp rồi cung cấp cho N2 để chuyển cho L1. Sau đó, L1 thuê đối tượng tên T1 “Béo” (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tra cứu các thông tin, số dư của 03 số tài khoản mang tên Nguyễn Thành S mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần S2 (S3), số dư tài khoản là 2.000.000.000 đồng; Tài khoản đứng tên Phạm

Thị Thanh L2 mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A4), số dư tài khoản khoảng 4.000.000.000 đồng và tài khoản mang tên Nguyễn T2 mở tại ngân hàng S3, số dư tài khoản 1.000.000.000 đồng và lấy thông tin, mẫu chữ ký của các chủ tài khoản chuyển cho N2 để đưa cho Thùy A và C tập ký chữ ký đứng tên chủ tài khoản. N2 lên mạng Internet thuê đối tượng (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả 03 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thành S, Nguyễn T2, Phạm Thị Thanh L2. Sau đó, N2 thuê người đi làm lại sim số điện thoại đã được đăng ký mở 03 tài khoản trên và đăng ký dịch vụ Internet banking, đăng ký cấp lại mã OTP qua ứng dụng tự động trên điện thoại của các ngân hàng để chiếm đoạt quyền truy cập Internet banking của chủ tài khoản. Khi phát hiện các tài khoản này có tiền, N2 và H2 sẽ chuyển đến các tài khoản do Trần Thùy A hoặc Trần Quốc C đã mở trước đó bằng hình thức chuyển khoản qua dịch vụ Internet banking, rồi yêu cầu Thùy A và C đi cùng H2 và N2 đến các ngân hàng để rút tiền. Khi đến ngân hàng, N2 mới đưa Chứng minh thư nhân dân giả và điện thoại cho Thùy A hoặc C sử dụng còn H2 đóng giả là mẹ con vào ngân hàng làm thủ tục rút tiền, N2 chờ ở ngoài. Trường hợp nhân viên ngân hàng hỏi nguồn gốc số tiền thì Thùy A hoặc C trả lời là tiền bố mẹ bán đất cho. Sau khi rút được tiền, các đối tượng mang ra ngoài đưa lại cho N2 để chia nhau.

Hành vi cụ thể của Trần Quốc C sử dụng Chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn D (sinh năm 1998; Trú tại thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, dán ảnh của C do N2 làm giả trước đó) mở 01 tài khoản số 073704070003460 tại ngân hàng H6, phòng G1, quận C, Hà Nội; Sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Lê Trọng D1 (sinh năm 1994; Trú tại P, Chung cư A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, dán ảnh của C do N2 làm giả trước đó) mở 01 tài khoản số 2017040700002359 tại ngân hàng H6, phòng G2, quận L, Hà Nội.

Hành vi cụ thể của Nguyễn Trung K: Tháng 6/2021, N2 quen biết Nguyễn Trung K và biết K làm ăn thua lỗ, đang nợ tiền nhiều người. N2 đã bàn bạc với K và thống nhất giao cho K làm giả Chứng minh thư nhân dân, lấy thông tin số tài khoản trên các trang mạng cá độ bóng đá, ghi lô đề rồi cùng với Trần Thùy A sử dụng các thủ đoạn nêu trên để chiếm đoạt tiền của các tài khoản này. N2 chuyển thông tin và ảnh của Thùy A qua ứng dụng Telegram hoặc qua Z cho K để K làm giả Chứng minh thư nhân dân. Sau đó, K và N2 lên mạng xã hội Zalo thuê một đối tượng (Hiện chưa xác định nhân thân lai lịch) làm giả Chứng minh thư nhân dân theo thông tin mà N2 và K gửi có dán ảnh của C hoặc Thùy A với giá khoảng 10.000.000 đồng. Đồng thời, N2 hướng dẫn Thùy A và C tập ký giả mạo chữ ký của chủ tài khoản. Sau khi làm xong, đối tượng trên mạng gửi lại cho N2 hoặc K qua đường bưu điện C3 đứng tên Phạm Thị Thu T3 (sinh năm 1992; Trú tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên) rồi K đưa cho N2 giữ khi rút tiền N2 sẽ đưa lại cho Thùy A, C và K đến các ngân hàng xác thực và rút tiền đưa cho N2 chia nhau.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra làm rõ Trần Quốc C đã 03 lần

sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Lê Trọng D1 và Hoàng Văn D để đi rút tiền với tổng số tiền là 5.057.000.000 đồng, gồm:

Lần thứ nhất: Ngày 26/4/2021, N2 và H2 chuyển số tiền 1.050.000.000 đồng từ tài khoản số 1020464994 mang tên Nguyễn Văn T4 (sinh ngày 11/8/1983; trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Chứng minh thư nhân dân số 121479476) mở tại ngân hàng V2, vào tài khoản số 201704070002359 mang tên Lê Trọng D1. Cùng ngày, N2 chỉ đạo C sử dụng Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Trọng D1 (Dán ảnh của C do N2 làm giả trước đó) đi cùng N2, H2 đến ngân hàng H6 (Phòng G2 ở số B, phường N, quận L, Hà Nội) rút số tiền 1.050.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Nguyễn Trọng D2 (do C mở trước đó). N2 chia cho C 20.000.000 đồng, N2 và H2 mỗi người được hưởng 515.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 27/4/2021, N2 chuyển số tiền 285.000.000 đồng từ tài khoản số 1020464994 mang tên Nguyễn Văn T4 (sinh ngày 11/8/1983; trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Chứng minh thư nhân dân số 121479476) mở tại ngân hàng V2 vào tài khoản số 201704070002359 mang tên Lê Trọng D1 (Do C mở trước đó). Cùng ngày, N2 chỉ đạo C sử dụng Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Trọng D1 (Dán ảnh của C do N2 làm giả trước đó) đi cùng N2 đến ngân hàng H6 (Phòng G2 ở số nhà B, phường N, quận L, Hà Nội) rút số tiền 285.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Nguyễn Trọng D2. N2 chia cho C 2.000.000 đồng, N2 hưởng lợi 283.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 22/11/2021, N2 và H2 chuyển số tiền 2.427.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Lê Trung S1 (sinh ngày 15/01/1991; trú tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương) mở tại ngân hàng S4, chuyển số tiền 1.295.000.000 đồng từ tài khoản số 018042596 mang tên Nguyễn Quỳnh C1 (sinh ngày 15/10/1986; trú tại thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, căn cước công dân số 008186237465), mở tại ngân hàng S4 đến tài khoản số 073704070003460 mang tên Hoàng Văn D (do C mở trước đó). Cùng ngày, N2 chỉ đạo C sử dụng Chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn D (Dán ảnh của C do N2 làm giả trước đó) đi cùng N2 và H2 đến ngân hàng H6 (Phòng G1, ở số nhà A, T, phường D, quận C, Hà Nội) rút số tiền 3.720.000.000 đồng từ tài khoản đứng tên Hoàng Văn D. N2 chia cho C 50.000.000 đồng, N2 và H2 mỗi người được hưởng 1.835.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng bị trừ vào phí dịch vụ. Cơ quan điều tra đã sao kê tài khoản mang tên Hoàng Văn D, xác định số dư tài khoản là 0 đồng.

Từ ngày 14/10/2021 đến ngày 10/01/2022, Trần Thùy A đã thực hiện 09 lần rút tiền với tổng số tiền 12.905.192.000 đồng, trong đó vào lần thứ tư: Ngày 25/10/2021, N2 và H2 chuyển tiền từ tài khoản số 060258933144 của anh Nguyễn Thiện T5 (sinh năm 1992; trú tại số I L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản số 26810000612497 mang tên Nguyễn Thị L3. Cùng ngày, N2 và H2 chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng

minh thư nhân dân giả mang tên Nguyễn Thị L3 đi cùng N2 và H2 đến ngân hàng H6 (Chi nhánh H7, Hà Nội) rút số tiền 4.000.000.000 đồng từ tài khoản của Nguyễn Thị L3. Sau đó, N2 chia cho Thùy A 70.000.000 đồng, H2 và N2 mỗi người hưởng 1.965.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 01/12/2021, N2 chuyển tiền từ tài khoản số 105872552602 của anh Huỳnh Thanh H3 (sinh ngày 16/10/1993; trú tại số nhà C, đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; hiện ở ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang) mở tại ngân hàng V3 số tiền 3.100.000.000 đồng vào số tài khoản của Nguyễn Thị L3. Cùng ngày, N2 chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng minh thư nhân dân mang giả mang tên Nguyễn Thị L3, đi cùng N2 và K đến ngân hàng B (Chi nhánh P, Hà Nội) rút số tiền 3.100.000.000 đồng từ tài khoản Nguyễn Thị L3. Sau đó, N2 chia cho Thùy A 20.000.000 đồng, N2 và K mỗi người hưởng 1.540.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 24/12/2021, N2 và K chuyển tiền từ tài khoản số 105872552602 của anh Huỳnh Thanh H3 (sinh ngày 16/10/1993; trú tại số nhà C, phố L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; hiện ở ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang) mở tại ngân hàng V3 số tiền 1.900.000.000 đồng vào tài khoản số 102867756276 mang tên Phạm Thị Thu T3 (sinh năm 1992; trú tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên) do Thùy A mở tài khoản trước đó. Cùng ngày, N2 và K chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Phạm Thị Thu T3 (Dán ảnh của Thùy A do K và N2 làm giả) đi cùng K và N2 đến ngân hàng V4 (Chi nhánh C4 ở tầng 1, Tòa Nhà H, thị Trấn C, huyện C, Hà Nội) rút số tiền 1.900.000.000 đồng. Sau đó, N2 chia cho Thùy A 38.000.000 đồng, N2 và K mỗi người hưởng 931.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 27/12/2021, N2 và K chuyển tiền từ tài khoản số 106873449094 đăng ký tên Lê Thị Lan A1 (sinh ngày 12/3/1995; trú tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình) mở tại ngân hàng V3 số tiền 200.000.000 đồng và chuyển từ tài khoản đăng ký tên Nguyễn Thị Cẩm M (sinh năm 1969; trú tại ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; ở tại số nhà C, khu phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương) số tiền 147.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Thị L3. Cùng ngày, N2 và K chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng minh thư nhân dân đứng tên Nguyễn Thị L3 đi cùng N2 và K đến ngân hàng B, chi nhánh H8, Hà Nội rút số tiền 347.000.000 đồng. N2 chia cho Thùy A 5.000.000 đồng, số còn lại N2 và K mỗi người 171.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 10/01/2022, N2 và K chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Trần Quỳnh H4 (do N2 làm trước đó) đi cùng N2 và K đến ngân hàng B (Phòng G3, Hà Nội) rút số tiền 800.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Trần Quỳnh H4 rồi đi ra ngoài cổng đưa cho N2 và K. N2 lấy tiền chia cho Thùy A 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 770.000.000 đồng đưa K giữ.

Hồi 14 giờ 05 phút cùng ngày, Tổ công tác thuộc Cơ quan điều tra Bộ C5 đang làm nhiệm vụ tại tuyến đường T phát hiện Trần Thùy A đi từ trong ngân hàng B1 (Phòng G3, chi nhánh M2) cầm theo 01 túi xách ra và lên xe máy của Nguyễn Trung K đi về hướng bến xe M có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra hành chính và đưa Trần Thùy A, Nguyễn Trung K và Lê Thị Phi N2 về Cơ quan điều tra. Ngày 11, 12/10/2021 và ngày 17/02/2022, Cơ quan điều tra Bộ C5 bắt giữ Trần Quốc C, Ngô Thị Ngọc L1 và Lê Thị Liên H2.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Lê Thị Phi N2, Trần Thùy A, Nguyễn Trung K và Trần Quốc C khai nhận hành vi phạm tội như trên. Ngô Thị Ngọc L1 khai tìm được 03 tài khoản và kiểm tra trong tài khoản mang tên Phạm Thị Thanh L2 tại ngân hàng A4 có số dư có trong tài khoản là 4.000.000.000 đồng và mẫu chữ ký đưa cho N2 và được N2 cho 17.500.000 đồng; tài khoản mang tên Nguyễn T5 mở tại ngân hàng S3 có số dư trong tài khoản 1.000.000.000 đồng và mẫu chữ ký đưa cho N2 và được N2 cho 413.000.000 đồng (L1 trả cho T5 50.000.000 đồng, còn 363.000.000 đồng) và tài khoản mang tên Nguyễn Thành S mở tại ngân hàng S3 có số dư trong tài khoản 2.000.000.000 đồng đưa cho N2 và được N2 cho 720.000.000 đồng. Tổng số tiền N2 đã đưa cho L1 là 1.100.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra Bộ C5 đã kiểm tra và thu giữ trên người Lê Thị Phi N2, Nguyễn Trung K và Trần Thùy A số vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

Thu giữ của Lê Thị Phi N2: 05 chiếc điện thoại di động, 05 sim điện thoại V5, 05 Căn cước công dân, 08 Chứng minh thư nhân dân, 02 thẻ ngân hàng, 02 miếng nhựa,

Thu giữ của Nguyễn Trung K: 09 chiếc điện thoại di động các loại, số tiền 770.000.000 đồng và 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblade

- Thu giữ của Trần Quốc C gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen, đã qua sử dụng, 01 thẻ ATM Visa do ngân hàng T9 cấp cho chủ tài khoản mang tên Trần Quốc C,

- Ngày 26/01/2022, anh Nguyễn Xuân T6 (sinh năm 1990 là chồng bị cáo Ngô Thị Ngọc L1) đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.100.500.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Ngày 18/01/2022, anh Nguyễn Lê A2 (sinh năm 1992; trú tại Chung cư M, ngách C, ngõ E, đường A, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội, là con trai của bị can Lê Thị Phi N2) đã tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2 (Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định căn nhà trên N2 mua từ nguồn tiền phạm tội mà có). Ngày 25/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C5 đã kê biên tài sản đối với căn hộ trên để phục

vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xác minh, ghi lời khai các cá nhân đứng tên chủ tài khoản bị chiếm đoạt tài sản gồm:

- Chủ tài khoản Nguyễn Thiện T5 (sinh ngày 06/08/1990; trú tại số nhà I, đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh): Anh T5 khai mở tài khoản ngân hàng và ngày 25/10/2021 đã ủy quyền cho Đặng Phương N1 (sinh năm 1982; trú tại số nhà A, đường Â, phường B, quận H, thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng. Tài khoản trên anh N1 sử dụng vào việc chuyển tiền kinh doanh vận tải, vận chuyển hàng hóa vải vóc, quần áo đi Campuchia của Công ty. Số tiền trong tài khoản là số tiền khách hàng chuyển cho anh N1 để trả cho việc mua hàng hóa ở Campuchia. Anh N1 có đơn gửi ngân hàng ngay khi bị mất tiền và đề nghị Cơ quan điều tra trả lại số tiền bị chiếm đoạt.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 26/4/2021 đến trước ngày 10/01/2022, bị cáo Lê Thị Phi N2 câu kết với Lê Thị Liên H2, Trần Thùy A, Nguyễn Trung K, Trần Quốc C và Ngô Thị Ngọc L1 chiếm đoạt tổng số tiền là 18.154.000.000 đồng, trong đó của anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 đồng, số tiền còn lại 14.154.000.000 đồng của 05 tài khoản đứng tên Nguyễn Thành S, Ngô Hoàng A3, Huỳnh Thanh H3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị Cẩm M, xác định có nơi cư trú nhưng 05 người trên không sử dụng tài khoản; 04 tài khoản mang tên Nguyễn Quỳnh C1, Hoàng Văn T7, Lê Thị Lan A1 và Lê Trung S1, xác định tại địa phương không có con người như trên.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, anh Đặng Phương N1 đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ và xử lý các bị cáo theo quy định và yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 4.000.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 290; Điểm c, khoản 2, Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 13 (Mười ba) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 02 (H5) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 290; Điểm c, khoản 2, Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Khoản 1

Điều 54; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc C 10 (M1) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 02 (H5) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

[2] Về trách nhiệm bồi thường và biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 5 Điều 275; Điều 357, Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A phải trả lại anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỉ) đồng. Trong đó, bị cáo Lê Thị Phi N2 và Lê Thị Liên H2 mỗi người phải trả lại 1.965.000.000 (Một tỉ, chín trăm, sáu mươi lăm triệu) đồng; Bị cáo Trần Thùy A phải trả lại 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận số DD 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.900.500.000 (Một tỷ, chín trăm triệu, năm trăm nghìn) đồng đã được Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Bộ C5 nộp vào tài khoản số 3949.0.9089999.00000 mở tại Kho bạc nhà nước quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 28 tháng 01 năm 2022. Bao gồm: 770.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung K, 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A và 1.100.500.000 đồng do anh Nguyễn Xuân T6 là chồng bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Ngô Thị Ngọc L1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 05, 06/10/2023, các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/11/2023, người bị hại anh Đặng Phương N1 có đơn kháng cáo với nội dung buộc tất cả các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiền cho anh, tiếp tục tạm giữ số tiền 1.900.500.000 (Một tỷ, chín trăm triệu, năm trăm nghìn) đồng. Tiếp tục kê biên căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô

thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2 để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã nêu.

- Bị cáo Nguyễn Trung K nêu lý do bản án sơ thẩm xử bị cáo mức hình phạt quá nghiêm khắc và đề nghị xem xét số tiền bị cáo được hưởng lợi số tiền 1.670.000.000 đồng, không phải số tiền 2.642.000.000 đồng như bản án sơ thẩm quy kết.

- Bị cáo Trần Quốc C nêu lý do bản án sơ thẩm xử bị cáo mức hình phạt quá nghiêm khắc và xuất trình biên lai xác nhận đã nộp 72.000.000 đồng tiền do phạm tội mà có và 200.000 án phí hình sự sơ thẩm, Quyết định xuất ngũ đối với hạ sỹ quan của Lữ đoàn đặc công 5, phiếu quân nhân. Bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ, bác ruột là Đảng viên, giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, danh hiệu chiến sỹ tiên tiến do Lữ đoàn đặc công 5 tặng năm 2015.

- Người bị hại anh Đặng Phương N1 đề nghị tất cả các bị cáo trong vụ án phải cùng trả cho anh số tiền 4.000.000.000 đồng. Dùng số tiền 1.900.500.000 đồng để trả cho anh, tạm giữ căn hộ số E, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội để đảm bảo thi hành án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về hình phạt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Trung K không xuất trình được tài liệu gì mới nên không có căn cứ xem xét. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K.

Đối với bị cáo Trần Quốc C đã nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có, án phí hình sự sơ thẩm và các tài liệu liên quan đến nhân thân của bị cáo. Đây là những tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A phải trả anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo Lê Thị Phi N2 và Lê Thị Liên H2 mỗi bị cáo phải trả lại 1.965.000.000 đồng và bị cáo Trần Thùy A phải trả lại 70.000.000 đồng là đúng. Do đó cần giữ nguyên.

Về kê biên căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2 để đảm bảo thi hành án thấy bị cáo N2 đã dùng số tiền chiếm đoạt của anh N1 để mua nhà. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo này của anh Đặng Phương N1.

Về phần tòa án cấp sơ thẩm tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.900.500.000 đồng, trong khoản này có 770.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung K, 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A và 1.100.500.000 đồng do anh Nguyễn Xuân T6 là chồng bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Ngô Thị Ngọc L1. Xét thấy, trong tổng số 1.900.500.000 đồng có 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A, khoản tiền này bị cáo được chia trong số tiền của người bị hại. Do đó cần tạm giữ 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A để đảm bảo khoản thi hành án cho anh Đặng Phương N1.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C đều công nhận các tội danh như Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quy kết và quyết định là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Phương N1 cơ bản có cùng quan điểm với anh Đặng Phương N1 và chỉ đề nghị buộc thêm bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 cùng các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A phải trả lại anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 đồng vì bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 là nhân viên ngân hàng, có vai trò quan trọng trong vụ án nên phải cùng chịu trách nhiệm dân sự với các bị cáo N2, H2 và Thùy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C và người bị hại là anh Đặng Phương N1 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của các bị cáo Lê Thị Phi N2, Trần Thùy A, Trần Quốc C khai nhận phù hợp về vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Liên H2. Kết luận giám định, các biên bản xác minh và phù hợp với các chứng cứ và tài liệu khác có trong vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ việc bị cáo Lê Thị Phi N2 và bị cáo Lê Thị Liên H2 cùng làm dịch vụ môi giới cho khách hàng mở tài khoản ngân hàng nên quen biết với bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 là nhân viên tín dụng Ngân hàng V1. Quá trình làm dịch

vụ môi giới mở tài khoản, N2 và H2 thấy việc quản lý tài khoản ngân hàng bằng dịch vụ Internet, sử dụng mạng công nghệ, điện thoại di động còn nhiều sơ hở, nếu lấy được số điện thoại đăng ký tài khoản, sau đó liên hệ ngân hàng để giành quyền truy cập rất dễ dàng. Bị cáo Lê Thị Phi N2 và bị cáo Lê Thị Liên H2 tìm cách lấy sim điện thoại trùng với sim điện thoại đăng ký mở tài khoản, sau đó dùng sim điện thoại đó để sử dụng I chuyển tiền từ tài khoản có tiền sang tài khoản khác để chiếm đoạt tiền. Bị cáo Lê Thị Phi N2 và bị cáo Lê Thị Liên H2 biết trong hệ thống ngân hàng có nhiều tài khoản không chính chủ sử dụng để thanh toán tiền trong hoạt động phi pháp. Vì vậy, tháng 3/2021, bị cáo Lê Thị Phi N2 và bị cáo Lê Thị Liên H2 bàn bạc, thống nhất rủ bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 cùng nhau chiếm đoạt tiền của các tài khoản trên và thống nhất thuê bị cáo Trần Thùy A và bị cáo Trần Quốc C sử dụng Chứng minh thư nhân dân của người khác để đăng ký mở tài khoản và rút tiền ở ngân hàng.

Bị cáo Lê Thị Phi N2 quen biết bị cáo Nguyễn Trung K và thống nhất giao K làm giả Chứng minh thư nhân dân, lấy thông tin số tài khoản trên các trang mạng cá độ bóng đá, ghi lô đề rồi cùng với bị cáo Trần Thùy A sử dụng các thủ đoạn nêu trên để chiếm đoạt tiền của các tài khoản này.

Bằng thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 10/01/2022, bị cáo Lê Thị Phi N2 cấu kết với các bị cáo: Lê Thị Liên H2, Trần Thùy A, Nguyễn Trung K, Trần Quốc C và Ngô Thị Ngọc L1 chiếm đoạt tổng số tiền là 18.154.000.000 đồng của 10 chủ tài khoản đứng tên: Đặng Phương N1, Nguyễn Thành S, Ngô Hoàng A3, Huỳnh Thanh H3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị Cẩm M, Nguyễn Quỳnh C1, Hoàng Văn T7, Lê Thị Lan A1 và Lê Trung S1, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Trung K tham gia cùng với bị cáo Lê Thị Phi N2, Trần Thùy A thực hiện 04 lần chiếm đoạt tiền từ các tài khoản ngân hàng với tổng số tiền là 6.147.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Trung K hưởng lợi 2.642.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Trung K và Luật sư đề nghị xem xét bị cáo chỉ hưởng lợi số tiền 1.690.000.000 đồng, không phải số tiền 2.642.000.000 đồng như bản án sơ thẩm quy kết. Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo Nguyễn Trung K khai cùng bị cáo Lê Thị Phi N2 chiếm đoạt tiền từ các tài khoản, thì sẽ chia 3 (K + N2 + người lấy thông tin tài khoản). Tuy nhiên, không có tài liệu chứng minh về người lấy thông tin tài khoản được chia tiền. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 6.147.000.000 đồng. Trong đó, xác định bị cáo hưởng lợi trong các lần chiếm đoạt là: 1.540.000.000 đồng ngày 01/12/2021; hưởng lợi 931.000.000 đồng ngày 24/12/2021; hưởng lợi 171.000.000 đồng ngày 27/12/2021. Ngày 10/01/2022 bị cáo N2, K và Thùy A rút 800.000.000 đồng tại Ngân hàng B (Phòng G3) bị Công an bắt quả tang thu giữ số tiền 800.000.000 đồng nên được trừ số tiền hưởng lợi này. Như vậy, bị cáo Nguyễn Trung K hưởng lợi 2.642.000.000 đồng là có căn cứ.

Bị cáo Trần Quốc C chuyển ảnh để bị cáo Lê Thị Phi N2 làm giả 02 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Trọng D1 và Hoàng Văn D (có dán ảnh của C). Ngoài ra, bị cáo Trần Quốc C cùng với các bị cáo: Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Lê Trọng D1 và Hoàng Văn D thực hiện 03 lần chiếm đoạt tiền từ các tài khoản Ngân hàng với tổng số tiền là 5.057.000.000 đồng. Bị cáo Trần Quốc C hưởng lợi 72.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã xét xử: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 290 và điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông và phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 18.154.000.000 đồng của các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2, Nguyễn Trung K, Trần Thùy A, Trần Quốc C và Ngô Thị Ngọc L1 là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm hoạt động bình thường trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C còn thực hiện hành vi làm giả chứng minh thư nhân dân.

Trước khi quyết định hình phạt tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là đúng.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự.

Trong vụ án này, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý ngân hàng bằng dịch vụ Internet để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của các tài khoản ngân hàng không chính chủ, sử dụng để thanh toán tiền trong hoạt động phi pháp. Bị cáo Lê Thị Phi N2 và Lê Thị Liên H2 là người chủ mưu, có vai trò chính trong vụ án này. Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án căn cứ Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo là đúng.

Bị cáo Trần Quốc C có vai trò thấp hơn các bị cáo khác, số tiền hưởng lợi

ít hơn so với các bị cáo khác, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và vai trò. Do đó, bị cáo Trần Quốc C được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là đúng.

Do các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C phạm 02 tội nên căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội từ đó áp xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 15 (Mười lăm) năm tù, bị cáo Trần Quốc C 12 (Mười hai) năm tù về các tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng với tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Trung K không xuất trình được tài liệu gì mới, chưa thực hiện xong nghĩa vụ nộp lại tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có. Do đó không có căn cứ giảm hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Quốc C tại phiên tòa hôm nay đã nộp 72.000.000 đồng tiền do phạm tội mà có, 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và các tài liệu có liên quan đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình, quá trình bị cáo tham gia quân đội. Đây là những tình tiết mới. Do đó có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ngày 25/10/2021, N2 và H2 chuyển tiền từ tài khoản số 060258933144 của anh Nguyễn Thiện T5 (sinh năm 1992; trú tại: Số I L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản số 26810000612497 mang tên Nguyễn Thị L3. Cùng ngày, N2 và H2 chỉ đạo Thùy A sử dụng Chứng minh thư nhân dân giả mang tên Nguyễn Thị L3 đi cùng N2 và H2 đến ngân hàng H6 (Chi nhánh H7, Hà Nội) rút số tiền 4.000.000.000 đồng từ tài khoản của Nguyễn Thị L3. Sau đó, N2 chia cho Thùy A 70.000.000 đồng, H2 và N2 mỗi người hưởng 1.965.000.000 đồng. Như vậy chỉ có các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A thực hiện chiếm đoạt và cùng nhau hưởng lợi số tiền trên, các bị cáo khác trong vụ án này không tham gia, không bàn bạc với N2, H2, không được hưởng lợi là có căn cứ, do đó tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A phải trả anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 đồng là có căn cứ. Trong đó, bị cáo Lê Thị Phi N2 và Lê Thị Liên H2 mỗi bị cáo phải trả lại 1.965.000.000 đồng và bị cáo Trần Thùy A phải trả lại 70.000.000 đồng là đúng.

Đối với số tiền 1.870.500.000 (Một tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng Tòa án cấp sơ thẩm Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước là đúng bởi số tiền trên gồm: 770.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung K, và 1.100.500.000 đồng do anh Nguyễn Xuân T6 là chồng bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Ngô Thị Ngọc L1. Như vậy, trong tổng số

tiền trên là số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các chủ tài khoản khác nhưng các chủ tài khoản không yêu cầu trả lại hoặc không xác định được chủ tài khoản (không nằm trong số tiền của anh Đặng Phương N1 bị chiếm đoạt). Do vậy là số tiền các bị cáo hưởng lợi bất chính do phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A, đây là một phần tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Đặng Phương N1. Do đó cần được trả lại cho người bị hại.

Đối với những tài sản, vật chứng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc liên quan đến tội phạm để mua căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử thấy như sau: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Phi N2 khai nhận sau khi chiếm đoạt tiền của bị hại, bị cáo đã sử dụng để mua căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Bị cáo chiếm đoạt tiền của anh Đặng Phương N1 (chiếm đoạt ngày 25/10/2021) và đến ngày 10/12/2021 bị cáo được cấp Giấy chứng nhận số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp. Vì vậy, có căn cứ xác định bị cáo sử dụng 1.965.000.000 đồng chiếm đoạt của anh N1 và của người khác để thanh toán tiền mua căn hộ. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại về việc kê biên căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2 để đảm bảo thi hành án khoản tiền mà bị cáo Lê Thị Phi N2 phải trả lại 1.965.000.000 đồng cho bị hại Đặng Phương N1, số tiền phát mại căn nhà trên nếu còn thừa thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung K. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quốc C về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại là anh Đặng Phương N1.

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Trần Quốc C được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Quốc C và một phần kháng cáo của người bị hại là anh Đặng Phương N1. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể

như sau:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Quốc C phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 13 (Mười ba) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 02 (H5) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc C 09 (C2) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 02 (H5) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường và biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 5 Điều 275; Điều 357, Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Lê Thị Phi N2, Lê Thị Liên H2 và Trần Thùy A phải trả lại anh Đặng Phương N1 số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỉ) đồng. Trong đó, bị cáo Lê Thị Phi N2 và Lê Thị Liên H2 mỗi người phải trả lại 1.965.000.000 (Một tỉ, chín trăm, sáu mươi lăm triệu) đồng; bị cáo Trần Thùy A phải trả lại 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Kê biên căn hộ số 0508, tòa nhà A, dự án Ngôi sao A (A), khu đô thị T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận số ĐĐ 655547 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 10/12/2021 cho Lê Thị Phi N2 để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền mà bị cáo Lê Thị Phi N2 phải trả lại cho người bị hại anh Đặng Phương N1 là 1.965.000.000 (Một tỉ, chín trăm, sáu mươi lăm triệu) đồng. Số tiền phát mại căn nhà trên sau khi dùng đảm bảo thi hành án nếu còn thừa thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thùy A để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền mà bị cáo Trần Thùy A phải trả lại cho người bị hại anh Đặng Phương N1 là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, số tiền còn thiếu 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng bị cáo tiếp tục phải thực hiện trong quá trình thi hành án.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.870.500.000 (Một tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng đã được Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Bộ C5 nộp vào tài khoản số 3949.0.9089999.00000 mở tại Kho bạc nhà nước quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 28 tháng 01 năm 2022. Bao gồm: 770.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung K và 1.100.500.000 đồng do anh Nguyễn Xuân T6 là chồng bị cáo Ngô Thị Ngọc L1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Ngô Thị Ngọc L1.

- Xác nhận bị cáo Trần Quốc C đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm được thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0065988 ngày 16/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Quốc C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 CA thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng

